

Số: 75 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.*

### Chương I

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA  
QUYẾT ĐỊNH SỐ 17/2004/QĐ-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ  
NƯỚC VIỆT NAM VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ THANH TOÁN TRONG  
MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TẠI KHU  
VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM – CAMPUCHIA**

#### **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3**

**“Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng được phép, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”.**

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành kèm theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN**

**“Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới quán triệt nội dung Quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng tổ chức triển khai tốt hoạt động thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tỉnh biên giới quản lý và giám sát việc thực hiện thanh toán biên giới đối với các ngân hàng được phép và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép chỉ đạo các chi nhánh của ngân hàng mình tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia chủ động liên hệ với các ngân hàng thương mại phía Campuchia để thoả thuận đặt quan hệ đại lý thanh toán phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, VND, KHR theo Quy chế này, đáp ứng nhu cầu thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước tại khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.”.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành kèm theo Quyết định 17/2004/QĐ-NHNN**

**“Điều 12. Chế độ thông tin báo cáo**

1. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 tháng đầu quý sau, các Ngân hàng hoặc chi nhánh Ngân hàng thực hiện thanh toán với Campuchia theo Quy chế này tổng hợp tình hình thanh toán, báo cáo Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tổng hợp tình hình thanh toán theo quy định tại Quy chế này, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) (Theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế này).”.

**Điều 4. Thay thế, bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành kèm theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN**

1. Bãi bỏ điểm d Điều 3.

2. Bãi bỏ Điều 8.

3. Bãi bỏ Phụ lục 2, Phụ lục 4 của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành kèm theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN.

4. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh (thành phố)” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại Phụ lục 3 của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành kèm theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN.

5. Thay thế Phụ lục 5 của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ban hành kèm theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN bằng Phụ lục 5 thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Chương II**

### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 21/2008/QĐ-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM BAN HÀNH QUY CHẾ ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ**

#### **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 3**

“**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng được phép, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”.

**Điều 6. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN**

**“Điều 4a. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ**

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

4. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

5. Các tài liệu trong hồ sơ giấy thực hiện như sau:

- a) Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, Đơn đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ phải là bản gốc hoặc bản chính;
- b) Hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính;
- c) Các tài liệu khác trong thành phần hồ sơ là bản gốc, bản chính, bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực.

6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành thì tổ chức được tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

7. Tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đề nghị.”.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN**

**“Điều 7. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ**

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đối ngoại tệ tại địa Điểm theo quy định của Chính phủ về Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ; cam kết của tổ chức kinh tế về việc chỉ làm đại lý đối ngoại tệ cho một tổ chức tín dụng được phép;

c) Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đối ngoại tệ tại nơi giao dịch;

d) Quy trình nghiệp vụ đối ngoại tệ bao gồm các nội dung chính sau: có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đối ngoại tệ; việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng, lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách; chế độ hạch toán, kế toán; chế độ báo cáo;

đ) Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại cần liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;

(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đối ngoại tệ;

(iii) Quy định đại lý đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) và bán lại số ngoại tệ tiền mặt đổi được (ngoài số ngoại tệ tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;

(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (đối với đại lý đặt ở các khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại ngoại tệ tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);

(v) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ đại lý đổi ngoại tệ phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ; quy định định kỳ tổ chức tín dụng ủy quyền phải kiểm tra hoạt động của các đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và các quy định của pháp luật;

(vi) Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn phải bán số ngoại tệ tiền mặt mua được cho tổ chức tín dụng ủy quyền.

2. Hồ sơ đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ bao gồm:

a) Đơn đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 6a Quy chế này;

c) Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi ngoại tệ tại nơi giao dịch và văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) việc đáp ứng điều kiện về địa điểm đặt đại lý đổi ngoại tệ của tổ chức kinh tế (đối với trường hợp tăng số lượng đại lý đổi ngoại tệ).”.

**Điều 8. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 Quy chế đại lý đổi ngoại tệ ban hành theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN**

**“Điều 7a. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ**

1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ hoặc thay đổi đại lý đổi ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi ngoại tệ theo quy định tại Quy chế này.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này).

Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Quy chế này.

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ cho tổ chức kinh tế đặt đại lý đối ngoại tệ tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp Giấy chứng nhận gửi một bản sao Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức kinh tế có trụ sở chính để biết và theo dõi.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ:

a) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ căn cứ theo thời hạn hiệu lực của hợp đồng đại lý đối ngoại tệ của tổ chức kinh tế ký với tổ chức tín dụng ủy quyền;

b) Trường hợp hợp đồng đại lý đối ngoại tệ của tổ chức kinh tế ký với tổ chức tín dụng ủy quyền hết hiệu lực hoặc bị chấm dứt trước thời hạn, tổ chức kinh tế phải chấm dứt hoạt động đại lý đối ngoại tệ và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hiệu lực hoặc chấm dứt thời hạn hợp đồng;

c) Tổ chức kinh tế có nhu cầu tiếp tục thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ phải đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ và thực hiện theo hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 7a Quy chế này.”.

**Điều 9. Thay thế, bổ sung một số khoản, Điều, Phụ lục của Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN**

1. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại khoản 2, khoản 3 Điều 9, khoản 5 Điều 11, tên Điều 12, khoản 2, khoản 3 Điều 14, Điều 15.

2. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại Phụ lục 3, Phụ lục 4 của Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN.

3. Thay thế cụm từ “Vụ Quản lý ngoại hối” bằng cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” tại khoản 2 Điều 15, Phụ lục 4 của Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành theo Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN.

4. Bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 5, Phụ lục 6 của Quy chế đại lý đối ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN bằng Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 5, Phụ lục 6 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Chương III**

#### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 32/2013/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH HẠN CHẾ SỬ DỤNG NGOẠI HỐI TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**

## **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 Điều 4**

“17. Đối với các trường hợp liên quan đến an ninh, quốc phòng, dầu khí và các trường hợp cần thiết khác, tổ chức được phép sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) xem xét, chấp thuận bằng văn bản căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp theo hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

## **Điều 11. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4**

**“Điều 4a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam**

1. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ:

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

d) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF);

đ) Các tài liệu trong hồ sơ giấy thực hiện như sau:

- Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam phải là bản gốc hoặc bản chính;

- Hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính;

- Các tài liệu khác trong thành phần hồ sơ là bản gốc, bản chính, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực;

e) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành thì tổ chức được tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch;

g) Tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đề nghị.”

2. Tổ chức có nhu cầu sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản trình bày sự cần thiết sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.

3. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp để xem xét cấp văn bản chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam và nêu rõ lý do.”

#### **Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7**

“2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng được phép, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”.

#### **Điều 13. Bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 32/2013/TT-NHNN**

Bổ sung Phụ lục về mẫu Đơn đề nghị chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam bằng Phụ lục thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Chương IV**

#### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 21/2014/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN VỀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 4**

“Điều 4. Nguyên tắc hoạt động ngoại hối

### 1. Đối với hoạt động ngoại hối cơ bản:

a) Sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận dưới hình thức cấp mới/cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong đó có nội dung kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và/hoặc trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định hoặc nội dung kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng, công ty cho thuê tài chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện toàn bộ hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và/hoặc trên thị trường quốc tế trong phạm vi quy định tại Thông tư này;

b) Đối với các hoạt động phái sinh liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối khác ngoài các hoạt động ngoại hối quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này:

(i) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép được thực hiện hoạt động phái sinh liên quan đến ngoại hối mà không phải làm thủ tục đề nghị chấp thuận bổ sung hoạt động ngoại hối khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản hướng dẫn và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện hoạt động phái sinh đó bằng đồng Việt Nam;

(ii) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép được thực hiện hoạt động ngoại hối khác mà không phải làm thủ tục đề nghị chấp thuận bổ sung hoạt động ngoại hối khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản hướng dẫn đối với hoạt động ngoại hối đó;

c) Ngân hàng chính sách được thực hiện các hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế theo quy định tại Thông tư này.

### 2. Đối với hoạt động ngoại hối khác:

a) Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản cho phép thực hiện có thời hạn đối với từng sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm cụ thể (gọi tắt là văn bản chấp thuận có thời hạn), tổ chức tín dụng được phép được thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế;

b) Khi hết thời hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối tại văn bản chấp thuận có thời hạn, tổ chức tín dụng được phép thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép gia hạn tại văn bản gia hạn văn bản chấp thuận có thời hạn. Thời gian gia hạn từng lần không được vượt quá thời hạn cho phép thực hiện hoạt động ngoại hối tại văn bản chấp thuận có thời hạn.

3. Trong quá trình thực hiện hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm thường xuyên rà soát, theo dõi, đánh giá về các đối tác nước ngoài để có điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng được phép.

4. Khi triển khai thực hiện các hoạt động ngoại hối, tổ chức tín dụng được phép phải đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với từng hoạt động ngoại hối. Riêng ngân hàng chính sách phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan.”.

#### **Điều 15. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4**

##### **“Điều 4a. Thẩm quyền chấp thuận hoạt động ngoại hối**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối đối với các đối tượng sau:

a) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng chính sách, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng, công ty cho thuê tài chính;

b) Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng giám sát an toàn vi mô của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thẩm quyền chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.”.

#### **Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 10**

##### **“Điều 10. Điều kiện chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế**

1. Trong từng thời kỳ, căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối, ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với từng hoạt động ngoại hối đề nghị được thực hiện;

b) Có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác, hạn mức giao dịch phù hợp đối với từng đối tác nước ngoài;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép;

d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép;

đ) Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Điều kiện để ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép gia hạn thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm:

- a) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối trong quá trình thực hiện các hoạt động ngoại hối có thời hạn;
- b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm đề nghị gia hạn và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn;
- c) Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong năm liền kề năm đề nghị gia hạn theo báo cáo tài chính được kiểm toán.”.

## **Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 11**

### **“Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối**

1. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối:

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

d) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF);

đ) Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại ký, trừ báo cáo tài chính đã được kiểm toán là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại về tính chính xác của bản sao so với bản chính;

e) Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do ngân hàng thương mại ký kết hoặc ban hành thì ngân hàng thương mại được tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước bao gồm:

- a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Quy định nội bộ về quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động ngoại hối, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: nhận dạng các loại rủi ro, phương án quản lý các rủi ro này;
- c) Báo cáo mô tả hệ thống công nghệ thông tin, các giải pháp kỹ thuật áp dụng và quy trình xử lý các hoạt động ngoại hối trong hệ thống công nghệ thông tin theo các nội dung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế bao gồm:

- a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác, hạn mức giao dịch đối với các đối tác, trong đó phải bao gồm quy định về rà soát, đánh giá lại đối tác theo định kỳ và khi có sự kiện đột xuất ảnh hưởng tới xếp hạng tín dụng của các đối tác.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thực hiện có thời hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm:

- a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó nêu rõ sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm đề nghị thực hiện và thời gian thực hiện;
- b) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cho phép thực hiện có thời hạn và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cho phép thực hiện có thời hạn;
- c) Quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp đối với từng hoạt động ngoại hối đề nghị được thực hiện, trong đó các biện pháp quản lý rủi ro tối thiểu bao gồm các nội dung: nhận dạng các loại rủi ro, phương án quản lý các rủi ro này;
- d) Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác, hạn mức giao dịch đối với các đối tác, trong đó phải bao gồm quy định về rà soát, đánh giá lại đối tác theo định kỳ và khi có sự kiện đột xuất ảnh hưởng tới xếp hạng tín dụng của các đối tác;
- đ) Báo cáo tình hình hoạt động ngoại hối trong nước năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cho phép thực hiện có thời hạn, trong đó cam kết không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối;
- e) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm liền kề năm đề nghị cho phép thực hiện có thời hạn.

5. Hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế:

a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó giải trình sự cần thiết phải gia hạn và cam kết không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối trong quá trình thực hiện các hoạt động ngoại hối có thời hạn;

b) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động ngoại hối đã thực hiện có thời hạn;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm liền kề năm đề nghị gia hạn;

d) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn.”.

### **Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 12**

**“Điều 12. Trình tự, thủ tục chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối**

1. Khi có nhu cầu thực hiện hoạt động ngoại hối trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế, ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét:

a) Chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại dưới hình thức cấp mới/cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

b) Chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại.

Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế bao gồm các nội dung chính sau: tên nghiệp vụ, sản phẩm, nhóm sản phẩm được thực hiện; thời hạn thực hiện; các hạn chế và điều kiện đảm bảo an toàn (nếu có). Văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối khác cho ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

3. Trình tự, thủ tục chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế cho ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.”.

### **Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 19**

**“Điều 19. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế**

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước hoặc trên thị trường quốc tế lập 01 bộ hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền quy định tại Điều 4a Thông tư này hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế thực hiện như đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 11 và Điều 12 Thông tư này.”.

#### **Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 20**

**“Điều 20. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế**

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước hoặc trên thị trường quốc tế lập 01 bộ hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền quy định tại Điều 4a Thông tư này hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế thực hiện như đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 11 và Điều 12 Thông tư này.”.

#### **Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 26**

**“Điều 26. Điều kiện chấp thuận hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế của công ty tài chính tổng hợp**

1. Trong từng thời kỳ, căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối, công ty tài chính tổng hợp được xem xét, cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Hoạt động kinh doanh của công ty tài chính tổng hợp có lãi trong 02 (hai) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Điều kiện để công ty tài chính tổng hợp được xem xét, cho phép gia hạn thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế bao gồm:

a) Đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Hoạt động kinh doanh của công ty tài chính tổng hợp có lãi trong 02 (hai) năm liền kề năm đề nghị gia hạn theo báo cáo tài chính được kiểm toán.”.

#### **Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 29**

### **“Điều 29. Hoạt động ngoại hối của Ngân hàng Chính sách Xã hội**

1. Ngân hàng Chính sách Xã hội được thực hiện các hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước mà không phải xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

- a) Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay;
- b) Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ;
- c) Nhận tiền gửi, cho vay bằng ngoại tệ đối với các khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;
- d) Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- đ) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ;
- e) Cung cấp các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản bằng ngoại hối; Nhận ủy thác cho vay bằng ngoại tệ;
- g) Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;
- h) Mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác được phép hoạt động ngoại hối;
- i) Vay vốn, cho vay bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác;
- k) Gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác.

2. Ngân hàng Chính sách Xã hội được thực hiện các hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế mà không phải xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

- a) Thanh toán, chuyển tiền quốc tế;
- b) Mua, bán ngoại tệ giao ngay trên thị trường quốc tế;
- c) Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với khách hàng trong nước.”.

### **Điều 23. Bổ sung Điều 29a vào sau Điều 29**

#### **“Điều 29a. Hoạt động ngoại hối của Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thực hiện các hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước sau:

- a) Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay;
- b) Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ;

c) Nhận tiền gửi, cho vay bằng ngoại tệ đối với các khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;

d) Bao thanh toán và bảo lãnh bằng ngoại tệ;

đ) Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam;

e) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ;

g) Nhận ủy thác cho vay bằng ngoại tệ;

h) Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;

i) Mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác được phép hoạt động ngoại hối;

k) Vay vốn, cho vay bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác;

l) Gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác;

m) Mở tài khoản thanh toán cho tổ chức tín dụng nước ngoài;

n) Nhận tiền gửi bằng ngoại tệ từ tổ chức tín dụng nước ngoài.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thực hiện các hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế sau:

a) Thanh toán, chuyển tiền quốc tế;

b) Mua, bán ngoại tệ giao ngay trên thị trường quốc tế;

c) Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với khách hàng trong nước;

d) Bao thanh toán quốc tế và bảo lãnh bằng ngoại tệ;

đ) Cho vay ra nước ngoài đối với khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;

e) Gửi ngoại tệ ở nước ngoài (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn).”.

## **Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 35**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối; Chỉ được thực hiện hoạt động ngoại hối khi đã xây dựng quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ; Thực hiện hoạt động ngoại hối theo đúng quy định nội bộ đã xây dựng. Các giao dịch phải được kiểm soát theo quy định, hiện hành về kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ.”.

2. Bổ sung khoản 11 như sau:

“11. Khi thực hiện hoạt động gửi tiền tại chi nhánh, công ty con của ngân hàng thương mại ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, ngân hàng thương mại gửi báo cáo về số dư tiền gửi tại chi nhánh, công ty con ở nước ngoài cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).”.

## **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 36**

### **“Điều 36. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

#### **1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:**

a) Làm đầu mối tiếp nhận, gửi văn bản lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với các hồ sơ đề nghị chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 4a Thông tư này;

b) Làm đầu mối xử lý các vướng mắc liên quan đến việc chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 4a Thông tư này.

#### **2. Cục Quản lý ngoại hối:**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Cục Quản lý ngoại hối có trách nhiệm:

a) Có ý kiến đối với đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Làm đầu mối xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

#### **3. Vụ Chính sách tiền tệ:**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Vụ Chính sách tiền tệ có trách nhiệm:

a) Có ý kiến đối với báo cáo về việc chấp hành giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ theo báo cáo trạng thái ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối;

b) Có ý kiến đối với đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Vụ Chính sách tiền tệ.

#### **4. Cục Công nghệ thông tin:**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Cục Công nghệ thông tin có ý kiến đối với báo cáo mô tả hệ thống công nghệ thông

tin, các giải pháp kỹ thuật áp dụng và quy trình xử lý các hoạt động ngoại hối trong hệ thống công nghệ thông tin khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối.

**5. Các đơn vị liên quan khác thuộc Ngân hàng Nhà nước:**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị liên quan khác thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến việc chấp thuận hoạt động ngoại hối cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

**6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:**

a) Tiếp nhận, gửi văn bản lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần), thẩm định các hồ sơ đề nghị chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 4a Thông tư này;

b) Làm đầu mối xử lý các vướng mắc liên quan đến việc chấp thuận, chấp thuận gia hạn hoạt động ngoại hối của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 4a Thông tư này.”.

**Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 38**

**“Điều 38. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.”.

**Điều 27. Bãi bỏ, bổ sung một số Điều, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-NHNN**

**1. Bãi bỏ Chương III.**

2. Bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 bằng Phụ lục 1, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương V**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA  
THÔNG TƯ SỐ 34/2015/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH  
VỤ NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

**Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 1**

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế (bao gồm Tổng công ty Bưu điện Việt Nam).”.

**Điều 29. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5**

“3. Định kỳ ngày 10 tháng 1 và ngày 10 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có trách nhiệm báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu

vực về những thay đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó nêu cụ thể lý do thay đổi, bổ sung (nếu có phát sinh thay đổi, bổ sung).”.

### **Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều 9**

**“Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ**

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

4. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

5. Các tài liệu trong hồ sơ giấy thực hiện như sau:

a) Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ, Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ phải là bản gốc hoặc bản chính;

b) Hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính;

c) Các tài liệu khác trong thành phần hồ sơ là bản gốc, bản chính, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực.

6. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ phải lập thành một bộ bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp hợp đồng, thỏa thuận, văn bản do tổ chức ký kết hoặc ban hành thì tổ chức được tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

7. Tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đề nghị.”

### **Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều 12**

**“Điều 12. Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ**

“1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) lập 01 bộ hồ sơ gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp từ chối chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận, văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:

a) Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ căn cứ theo thời hạn hiệu lực của Hợp đồng ký với đối tác nước ngoài hoặc căn cứ vào Hợp đồng có thời hạn hiệu lực dài nhất trong trường hợp có nhiều Hợp đồng trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ và tối đa không quá 5 (năm) năm kể từ ngày ký;

b) Trường hợp gia hạn hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, trong thời hạn tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hết thời hạn, tổ chức kinh tế phải nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.”

### **Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Điều 15**

**“Điều 15. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ**

1. Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có nhu cầu thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý) lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo

Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp từ chối chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận, văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ:

a) Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ, văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ căn cứ theo thời hạn hiệu lực của Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền hoặc căn cứ vào Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ có thời hạn hiệu lực dài nhất trong trường hợp có nhiều Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ và tối đa không quá 5 (năm) năm kể từ ngày ký;

b) Trường hợp gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, trong thời hạn tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hết hiệu lực, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế phải nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.”.

### **Điều 33. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 21**

“đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ của các tổ chức trên địa bàn;”.

### **Điều 34. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25**

“3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./”.

### **Điều 35. Thay thế, bãi bỏ, bổ sung một số điểm, khoản, Điều, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-NHNN**

1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 4.
2. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 11.
3. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14.
4. Bãi bỏ điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 21.
5. Bãi bỏ khoản 3 Điều 22.
6. Bãi bỏ Điều 23.
7. Bãi bỏ Phụ lục 2, Phụ lục 4, Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 9, Phụ lục 11, Phụ lục 13, Phụ lục 15.
8. Bãi bỏ cụm từ “Phụ lục 2” tại khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 11.
9. Bãi bỏ cụm từ “Phụ lục 4” tại điểm a khoản 1 Điều 14.
10. Bãi bỏ cụm từ “Phụ lục 15” tại khoản 2 Điều 17.

11. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại Điều 17, khoản 3 Điều 19, khoản 3 Điều 20.

12. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 21, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 22.

13. Thay thế cụm từ “Vụ Quản lý ngoại hối” bằng cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” tại khoản 1 Điều 21, khoản 5 Điều 22.

14. Thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 3, Phụ lục 5, Phụ lục 8, Phụ lục 10, Phụ lục 12, Phụ lục 14, Phụ lục 16, Phụ lục 17, Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-NHNN bằng Phụ lục 1, Phụ lục 3, Phụ lục 5, Phụ lục 8, Phụ lục 10, Phụ lục 12, Phụ lục 14, Phụ lục 16, Phụ lục 17, Phụ lục 18 thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 36. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ~~1~~ tháng ~~1~~ năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư 16/2015/TT-NHNN ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN;

b) Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

c) Khoản 3, khoản 4, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 9 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

d) Khoản 4, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 34, khoản 26, khoản 28, khoản 29, khoản 31, khoản 32, khoản 33, khoản 35 Điều 1, Điều 2 Thông tư 28/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN;

đ) Điều 3 Thông tư 17/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1, Điều 3 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

g) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

### **Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

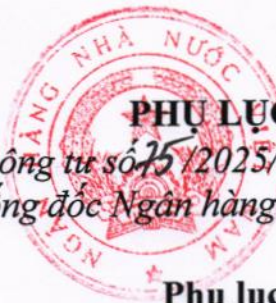
Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. ✱

#### **Nơi nhận:**

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Lưu: VP, Cục QLNH.



**Phạm Thanh Hà**



## PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-NHNN ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

### Phụ lục 5

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
Chi nhánh Khu vực.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỚI CAMPUCHIA Quý...năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Đơn vị: USD

| STT       | Hình thức thanh toán                                                                                                           | Số tiền thanh toán |           |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------|
|           |                                                                                                                                | Xuất khẩu          | Nhập khẩu |
| 1         | Thanh toán thông qua ngân hàng hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi                                                         |                    |           |
| 2         | Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các ngân hàng Việt Nam |                    |           |
| 3         | Thanh toán bằng VND hoặc KHR thông qua ngân hàng tỉnh biên giới                                                                |                    |           |
| Tổng cộng |                                                                                                                                |                    |           |

....., ngày tháng năm 20..

GIÁM ĐỐC  
(ký tên, đóng dấu)



## PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

|           |                                                      |
|-----------|------------------------------------------------------|
| Phụ lục 1 | Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ   |
| Phụ lục 2 | Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ          |
| Phụ lục 5 | Đơn đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ             |
| Phụ lục 6 | Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ |

**Phụ lục 1**

**TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ**  
Số:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ**  
**ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký giữa ... (Tên tổ chức kinh tế) và ... (Tên tổ chức tín dụng ủy quyền):

số ... ngày .../.../...

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ cho ... (Tên tổ chức kinh tế) tại các địa điểm sau:

1. Đại lý đối ngoại tệ số 1: địa chỉ, điện thoại
2. Đại lý đối ngoại tệ số 2: địa chỉ, điện thoại
3. Đại lý đối ngoại tệ số n: địa chỉ, điện thoại

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
**Chi nhánh Khu vực...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.... tháng.... năm....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
**CHI NHÁNH KHU VỰC...**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế Đại lý đối ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định .....<sup>1</sup>*

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số... ngày.../.../...

**CHỨNG NHẬN**

**Điều 1.**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

đã đăng ký làm đại lý đối ngoại tệ cho ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền) tại các địa Điểm sau:

<sup>1</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

| STT | Tên đại lý đổi ngoại tệ  | Địa chỉ | Điện thoại, Fax |
|-----|--------------------------|---------|-----------------|
| 1   | Đại lý đổi ngoại tệ số 1 |         |                 |
| 2   | Đại lý đổi ngoại tệ số 2 |         |                 |
| 3   | Đại lý đổi ngoại tệ số 3 |         |                 |
| n   | Đại lý đổi ngoại tệ số n |         |                 |

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, ... (tên tổ chức kinh tế) phải chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành về đại lý đổi ngoại tệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **GIÁM ĐỐC**

(Ký tên & đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức kinh tế;
  - Tên tổ chức tín dụng ủy quyền;
  - NHNN chi nhánh Khu vực....
- (nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

**Phụ lục 5**

**TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ**  
Số:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ:

số ... ngày cấp .../.../...

... (Tên tổ chức kinh tế) đề nghị thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ với nội dung sau:

.....  
.....  
.....

... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 6**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Chi nhánh Khu vực...      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.... tháng.... năm....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ**

(Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số... ngày...,  
 Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ lần.... số.... ngày....)

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
 CHI NHÁNH KHU VỰC....**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế Đại lý đối ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định .....<sup>2</sup>*

Xét đề nghị của ... (tên tổ chức kinh tế) tại Đơn đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ số... ngày.../.../...

**CHỨNG NHẬN**

**Điều 1.**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

<sup>2</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số.... ngày..../..../....

đã đăng ký thay đổi đại lý đối ngoại tệ với các nội dung sau:

1.....  
.....

2.....  
.....

3.....  
.....

Các nội dung khác trong Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số... ngày..../..../.... vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

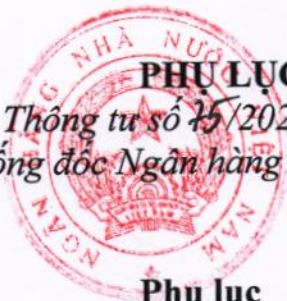
**Điều 2.** Giấy chứng nhận này là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số ... ngày..../..../.... của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức kinh tế;
- Tên tổ chức tín dụng ủy quyền;
- NHNN chi nhánh Khu vực....  
(nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính để biết, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên & đóng dấu)



**PHỤ LỤC III**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**Phụ lục**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN TỔ CHỨC**

**Số:**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SỬ DỤNG NGOẠI HỐI  
TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận cho ... (Tên tổ chức) được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam như sau:

1. Nội dung đề nghị:

2. Mục đích sử dụng ngoại hối:

3. Đề xuất, kiến nghị:

... (Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(ký tên, đóng dấu)



**PHỤ LỤC IV**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2025  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

|           |                                                                                     |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Phụ lục 1 | Đơn đề nghị chấp thuận/chấp thuận thực hiện có thời hạn/gia hạn hoạt động ngoại hối |
| Phụ lục 3 | Nội dung yêu cầu về mô tả hệ thống công nghệ thông tin                              |
| Phụ lục 4 | Quyết định về việc chấp thuận có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác              |
| Phụ lục 5 | Quyết định về việc chấp thuận hoạt động ngoại hối cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam |

**Phụ lục 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của  
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN TCTD, CHI NHÁNH  
 NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....ngày... tháng...năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN/CHẤP THUẬN THỰC HIỆN CÓ THỜI  
 HẠN/GIA HẠN HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI**

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
 (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng)  
 - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi  
 Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung  
 bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt  
 Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp  
 thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
 Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật  
 trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực  
 thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu  
 vực... chấp thuận/cho phép thực hiện có thời hạn/gia hạn hoạt động ngoại hối với  
 phạm vi cụ thể như sau:

**I. Hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và trên thị trường  
 quốc tế:**

1. Hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước:

a.

b.

...

2. Hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế:

a.

b.

...

## **II. Hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế:**

1.

2.

...

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, trung thực của các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động ngoại hối.

- Đảm bảo đã đáp ứng các điều kiện để thực hiện các hoạt động ngoại hối tại Đơn này và tiếp tục duy trì các điều kiện này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TCTD,  
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

*(ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Đề nghị nêu rõ tên văn bản hoặc số văn bản đã cho phép thực hiện có thời hạn đối với các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế đề nghị gia hạn.

**Phụ lục 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**Nội dung yêu cầu về mô tả hệ thống công nghệ thông tin**

| STT | Hạ tầng công nghệ thông tin          | Nội dung trình bày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Hệ thống phần mềm ứng dụng nghiệp vụ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thực hiện giao dịch và hạch toán giao dịch ngoại hối.</li> <li>- Hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế.</li> <li>- Hệ thống báo cáo, phân tích báo cáo và hỗ trợ ra quyết định.</li> <li>- Công cụ kiểm soát rủi ro hoạt động cho các ứng dụng nghiệp vụ.</li> <li>- Hệ thống phòng chống rửa tiền.</li> </ul> |
| 2   | Hệ thống máy chủ                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cứng, phần mềm hệ thống của máy chủ.</li> <li>- Số lượng, chủng loại và cơ chế hoạt động.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                   |
| 3   | Hệ thống lưu trữ                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cứng, phần mềm của hệ thống lưu trữ.</li> <li>- Số lượng, chủng loại.</li> <li>- Cơ chế sao lưu, backup và kiểm tra phục hồi định kỳ.</li> </ul>                                                                                                                                                                       |
| 4   | Hạ tầng mạng                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống mạng kết nối các chi nhánh, phòng giao dịch với Trung tâm dữ liệu / Hội sở chính (số lượng, loại đường truyền).</li> <li>- Hệ thống mạng LAN tại Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ.</li> </ul>                                                                                                                       |
| 5   | Hạ tầng an ninh mạng                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thiết bị an ninh mạng như Firewall, thiết bị phòng chống xâm nhập trái phép (IDS/IPS),....</li> <li>- Giải pháp phòng chống mã độc hại.</li> <li>- Giải pháp mã hóa, bảo vệ các dữ liệu nhạy cảm khi truyền trên mạng và lưu trữ;</li> <li>- Quản lý và phân quyền truy cập thông tin và ứng dụng.</li> </ul>           |

|   |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp kiểm tra mức độ an toàn mạng đối với các hệ thống ứng dụng trước khi cung cấp dịch vụ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |
| 6 | Hạ tầng trung tâm dữ liệu/<br>phòng máy chủ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm, kiến trúc của trung tâm dữ liệu/<br/>phòng máy chủ.</li> <li>- Hệ thống phân phối và duy trì nguồn điện.</li> <li>- Hệ thống đảm bảo môi trường trung tâm dữ<br/>liệu/ phòng máy chủ.</li> <li>- Hệ thống báo cháy và chữa cháy.</li> <li>- Hệ thống theo dõi giám sát hoạt động.</li> </ul> |
| 7 | Hệ thống dự phòng thảm<br>họa               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm trung tâm dữ liệu/ phòng máy chủ<br/>dự phòng.</li> <li>- Hệ thống công nghệ thông tin dự phòng.</li> <li>- Kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục.</li> </ul>                                                                                                                                   |
| 8 | Các hệ thống khác                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống máy tính chuyên dụng phục vụ cho<br/>hoạt động ngoại hối và máy in, máy fax, máy<br/>photocopy, điện thoại...</li> <li>- Hệ thống theo dõi giám sát và kiểm soát<br/>vào/ra tại bộ phận thực hiện hoạt động ngoại<br/>hối (nếu có).</li> </ul>                                                |

**Phụ lục 4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của  
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

..., ngày...tháng ...năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM/  
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định .....<sup>3</sup> (Trường hợp giám đốc ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực.... ký Quyết định)

Xét đề nghị của (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)... tại Đơn đề nghị chấp thuận có thời hạn hoạt động ngoại hối số... ngày...tháng....năm.... ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng (trường hợp Thống đốc ký Quyết định),

**QUYẾT ĐỊNH****Điều 1**

<sup>3</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

*✍*

Cho phép (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Giấy phép thành lập và hoạt động số....cấp ngày ...../...../.....

được thực hiện hoạt động ngoại hối với nội dung sau:

1. Tên nghiệp vụ, sản phẩm, nhóm sản phẩm.
2. Thời hạn thực hiện.
3. Các hạn chế và điều kiện đảm bảo an toàn (nếu có).
4. Các nội dung khác.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện hoạt động ngoại hối, (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)... phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là....năm kể từ ngày ký.

**THÔNG ĐỐC/GIÁM ĐỐC**

(Ký tên & đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài....;
- Lưu NHNN.

**Phụ lục 5**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

....., ngày .... tháng .... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận hoạt động ngoại hối cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 và Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Đơn đề nghị chuyển đổi văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối số... ngày...tháng....năm.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

Cho phép Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Quyết định thành lập số.... ngày ...../ ...../ .....

được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế với nội dung sau:

Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và/hoặc trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện hoạt động ngoại hối, Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối đã cấp trước đây.

### **THÔNG ĐỌC**

*(Ký tên & đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Lưu...

**PHỤ LỤC V**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2025  
2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

|            |                                                                                                                                                                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phụ lục 1  | Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ                                                                                                                                      |
| Phụ lục 3  | Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ                                                                                                                                         |
| Phụ lục 5  | Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.                                                                         |
| Phụ lục 8  | Quyết định về việc chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ                                                                                                                               |
| Phụ lục 10 | Quyết định về việc chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ                                                                                                                                  |
| Phụ lục 12 | Quyết định về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ                                                                   |
| Phụ lục 14 | Quyết định về việc thu hồi Quyết định chấp thuận trực tiếp, thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/Đăng ký, thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ |
| Phụ lục 16 | Báo cáo số liệu đại lý chi trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lý chi, trả ngoại tệ                                                      |
| Phụ lục 17 | Báo cáo số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ                                                                                               |
| Phụ lục 18 | Báo cáo danh sách tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế làm đại lý chi, trả ngoại tệ.                          |

**Phụ lục 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

(Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ..... ngày .... tháng ..... năm ... ký giữa (tên tổ chức kinh tế)..... và (tên đối tác nước ngoài) ..... để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.... xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm sau:

| STT | Tên tổ chức trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ                                                |         |                 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|
|     | Địa điểm chi trả                                                                               | Địa chỉ | Điện thoại, Fax |
| 1   | Trụ sở chính                                                                                   |         |                 |
| 2   | Địa điểm chi trả số 1                                                                          |         |                 |
| 3   | Địa điểm chi trả số 2                                                                          |         |                 |
| n   | Địa điểm chi trả số n<br>(địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính) |         |                 |

Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

1. Trụ sở chính:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

| STT | Loại tài khoản | Số tài khoản |
|-----|----------------|--------------|
| 1   | USD            |              |
| 2   | EUR            |              |
| 3   | GBP            |              |
| ... | ...            |              |

2. Địa điểm chi trả số...:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

| STT | Loại tài khoản | Số tài khoản |
|-----|----------------|--------------|
| 1   | USD            |              |
| 2   | EUR            |              |
| 3   | GBP            |              |
| ... | ...            |              |

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

(Tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Trên cơ sở hợp đồng ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ số .....ngày .....ký giữa (tên tổ chức làm đại lý)..... với (tên tổ chức ủy quyền) .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

| STT | Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ                                                        |         |                 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|
|     | Địa điểm chi trả                                                                               | Địa chỉ | Điện thoại, Fax |
| 1   | Trụ sở chính                                                                                   |         |                 |
| 2   | Địa điểm chi trả số 1                                                                          |         |                 |
| 3   | Địa điểm chi trả số 2                                                                          |         |                 |
| n   | Địa điểm chi trả số n<br>(địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính) |         |                 |

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 5**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN TRỰC TIẾP  
NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ...../.....

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

1.....  
.....

2.....

.....

3.....

.....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

*(ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 8**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
**Chi nhánh Khu vực...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định .....<sup>4</sup>*

*Xét đề nghị của (tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số... ngày...tháng....năm....*

**QUYẾT ĐỊNH:****1. Điều 1**

Cho phép.....(tổ chức kinh tế)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

<sup>4</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

được trực tiếp thực hiện dịch vụ nhận ngoại tệ của người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài từ nước ngoài chuyển về để chi, trả cho người thụ hưởng ở trong nước theo các nội dung sau:

a) Địa điểm thực hiện hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ:

|   | Địa điểm chi trả                                                                               | Địa chỉ | Điện thoại, Fax |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|
| 1 | Trụ sở chính                                                                                   |         |                 |
| 2 | Địa điểm chi trả số 1                                                                          |         |                 |
| 3 | Địa điểm chi trả số 2                                                                          |         |                 |
| n | Địa điểm chi trả số n<br>(địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính) |         |                 |

b) Đối tác nước ngoài: (ghi cụ thể từng đối tác; số, ngày của hợp đồng)

c) Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

c.1. Trụ sở chính:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

| STT | Loại tài khoản | Số tài khoản |
|-----|----------------|--------------|
| 1   | USD            |              |
| 2   | EUR            |              |
| 3   | GBP            |              |
| ... | ....           |              |

c.2. Địa điểm chi trả.....:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

| STT | Loại tài khoản | Số tài khoản |
|-----|----------------|--------------|
| 1   | USD            |              |
| 2   | EUR            |              |
| 3   | GBP            |              |
| ... | ....           |              |

**Điều 2.** (Tổ chức kinh tế)... phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, các quy định pháp luật có liên quan, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là ... năm kể từ ngày ký.

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên & đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức kinh tế;
- NHNN chi nhánh Khu vực....  
(nơi tổ chức kinh tế đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

**Phụ lục 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Chi nhánh Khu vực... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định.....<sup>5</sup>,*

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số....ngày....tháng....năm

**QUYẾT ĐỊNH****Điều 1.**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

<sup>5</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Được làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho.... (tên tổ chức ủy quyền) theo hợp đồng đại lý số.... tại các địa điểm sau:

| STT | Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ                                                        |         |                 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|
|     | Địa điểm chi trả                                                                               | Địa chỉ | Điện thoại, Fax |
| 1   | Trụ sở chính                                                                                   |         |                 |
| 2   | Địa điểm chi trả số 1                                                                          |         |                 |
| 3   | Địa điểm chi trả số 2                                                                          |         |                 |
| n   | Địa điểm chi trả số n<br>(địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính) |         |                 |

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, ...(tổ chức) phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là ... năm kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh Khu vực....  
(nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên & đóng dấu)

**Phụ lục 12**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Chi nhánh Khu vực... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ**

*(Quyết định chấp thuận lần đầu số.....ngày....., Quyết định chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn lần... số... ngày...)*

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ...**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định.....<sup>6</sup>,*

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số.....ngày.....tháng.....năm...

**QUYẾT ĐỊNH****Điều 1.**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

<sup>6</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Số điện thoại:

Mã số doanh nghiệp: ...

Mã định danh tổ chức (nếu có):

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):

Quyết định chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số....cấp ngày: ...../.....

đã đăng ký thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

1.....

.....

2.....

.....

3.....

.....

Các nội dung khác trong Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ số...cấp ngày...vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 2.** Quyết định này là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ/ số....ngày....của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức;
- NHNN chi nhánh Khu vực....
- (nơi tổ chức đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên & đóng dấu)

**Phụ lục 14**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Quyết định chấp thuận trực tiếp, thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/Đăng ký, thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định....<sup>7</sup>,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thu hồi Quyết định số .... ngày..... tháng... năm... cấp cho (tên tổ chức kinh tế) về việc được trực tiếp; thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc về việc được làm đại lý; thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ). Lý do thu hồi:.....

**Điều 2.** (Tổ chức )... phải chấm dứt các hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc hoạt động làm đại lý chi, trả ngoại tệ) từ ngày ..... Tất toán và đóng các tài khoản chuyên dùng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại.

<sup>7</sup> Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

**Điều 3.** Quyết định thu hồi này có hiệu lực kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***

- Tên tổ chức kinh tế;
- Cục QLNH (để b/c);
- NHNN chi nhánh Khu vực....  
(nơi tổ chức kinh tế đặt địa điểm chi trả  
để phối hợp, theo dõi);
- Tổ chức ủy quyền (để phối hợp)  
(trường hợp thu hồi văn bản chấp thuận  
đăng ký đại lý);
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên & đóng dấu)*

**Phụ lục 16**

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC**.....

ĐT: (Bộ phận trực tiếp làm báo cáo)

**BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐẠI LÝ CHI TRẢ NGOẠI TỆ CỦA TỔ CHỨC  
KINH TẾ, TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG  
NƯỚC NGOÀI LÀM ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**  
Quý...năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

*Đơn vị: Nghìn USD*

| STT         | Tên tổ chức<br>ủy quyền | Tổng số tiền nhận từ<br>tổ chức ủy quyền<br>trong kỳ (quy USD)* | Chi trả cho người thụ hưởng |                       |
|-------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
|             |                         |                                                                 | Bảng ngoại tệ<br>(quy USD)* | Bảng Đồng<br>Việt Nam |
| 1           |                         |                                                                 |                             |                       |
| 2           |                         |                                                                 |                             |                       |
| 3           |                         |                                                                 |                             |                       |
| .....       |                         |                                                                 |                             |                       |
| <b>Tổng</b> |                         |                                                                 |                             |                       |

\* Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 17**

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC.....**

**Số:**

**ĐT: (Bộ phận trực tiếp làm báo cáo)**

**BÁO CÁO SỐ LIỆU NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ CỦA TỔ CHỨC  
KINH TẾ TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**  
Quý...năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

**1. Biểu 1:** Áp dụng cho: (i) tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ trên một địa bàn; (ii) chi nhánh của tổ chức kinh tế trong trường hợp tổ chức kinh tế chi, trả ngoại tệ thông qua chi nhánh trên nhiều địa bàn.

*Đơn vị: Nghìn USD*

| STT         | Tên nước<br>chuyển tiền về<br>Việt Nam <sup>1</sup> | Tổng số ngoại tệ<br>nhận <sup>2</sup> (quy USD) <sup>3</sup> | Chi trả cho người thụ hưởng             |                       |
|-------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|
|             |                                                     |                                                              | Bảng ngoại tệ<br>(quy USD) <sup>3</sup> | Bảng Đồng<br>Việt Nam |
| 1           |                                                     |                                                              |                                         |                       |
| 2           |                                                     |                                                              |                                         |                       |
| 3           |                                                     |                                                              |                                         |                       |
| ....        |                                                     |                                                              |                                         |                       |
| <b>Tổng</b> |                                                     |                                                              |                                         |                       |

<sup>1</sup> Không áp dụng cho chi nhánh của tổ chức kinh tế.

<sup>2</sup> Tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ trên một địa bàn báo cáo tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài chuyển về; chi nhánh của tổ chức kinh tế báo cáo tổng số ngoại tệ nhận từ trụ sở chính của tổ chức kinh tế.

<sup>3</sup> Quy đổi theo tỷ giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**2. Biểu 2:** Áp dụng cho trụ sở chính của tổ chức kinh tế trong trường hợp tổ chức kinh tế chi, trả ngoại tệ trên nhiều địa bàn.

*Đơn vị: Nghìn USD*

|                     | Tên nước chuyển tiền về Việt Nam <sup>1</sup> | Tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài (quy USD) <sup>2</sup> | Số ngoại tệ chuyển cho chi nhánh | Chi trả cho người thụ hưởng          |                    |
|---------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|--------------------|
|                     |                                               |                                                            |                                  | Bảng ngoại tệ (quy USD) <sup>2</sup> | Bảng Đồng Việt Nam |
| <b>Trụ sở chính</b> |                                               |                                                            |                                  |                                      |                    |
| <b>Chi nhánh 1</b>  |                                               |                                                            |                                  |                                      |                    |
| <b>Chi nhánh 2</b>  |                                               |                                                            |                                  |                                      |                    |
| <b>Chi nhánh n</b>  |                                               |                                                            |                                  |                                      |                    |
| <b>Tổng</b>         |                                               |                                                            |                                  |                                      |                    |

<sup>1</sup> Áp dụng cho trụ sở chính.

<sup>2</sup> Quy đổi theo giá ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 18**

(Ban hành kèm theo Thông tư 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
**Chi nhánh Khu vực...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ/ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
NGOÀI, TỔ CHỨC KINH TẾ LÀM ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**1. Danh sách tổ chức kinh tế trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ:**

| STT | Tên tổ chức kinh tế | Số văn bản chấp thuận | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------|---------|
| 1   |                     |                       |         |
| 2   |                     |                       |         |
| 3   |                     |                       |         |
| ... |                     |                       |         |

**2. Danh sách tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức kinh tế  
làm đại lý chi, trả ngoại tệ:**

| STT | Tên tổ chức | Số văn bản chấp thuận | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|---------|
| 1   |             |                       |         |
| 2   |             |                       |         |
| 3   |             |                       |         |
| ... |             |                       |         |

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên & đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu NHNN chi nhánh Khu vực...